

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐẮK LẮK Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **13** /2019/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày **06** tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Quy định các khoản đóng góp, chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập được lựa chọn thí điểm đến năm 2020, tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ CHÍN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 94/2010/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cai nghiện ma túy tại cộng đồng;

Căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định về chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Khoản 2 Điều 3, Khoản 3 Điều 4, Khoản 3 Điều 5, Điều 7 Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;

Xét Tờ trình số 105 /TTr-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định các khoản đóng góp, chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 125 /BC-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Ban Văn hoá - Xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định các khoản đóng góp, chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập được lựa chọn thí điểm đến năm 2020, tại gia đình và cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Các nội dung khác không nêu trong Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện (sau đây viết tắt là Thông tư số 124/2018/TT-BTC) và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng các khoản chi phí do người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, tại cộng đồng đóng góp và nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập được lựa chọn thí điểm đến năm 2020, tại gia đình và cộng đồng.

2. Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập, cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập được lựa chọn thí điểm đến năm 2020, tại gia đình và cộng đồng theo quy định của Luật phòng, chống ma túy.

Điều 3. Các khoản đóng góp, chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập; chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập được lựa chọn thực hiện thí điểm hỗ trợ đến năm 2020

1. Các khoản đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập (hoặc gia đình của người cai nghiện ma túy) có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí trong thời gian cai nghiện (trừ trường hợp được ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 124/2018/TT-BTC và hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều này), gồm:

- a) Chi phí tiền ăn: Bằng 0,24 lần mức lương cơ sở/người/tháng;
- b) Chi phí tiền quần áo, chăn, màn, chiếu, gối, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với nữ: Bằng 0,27 lần mức lương cơ sở/người/hợp đồng;
- c) Chi phí khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS): Mức đóng góp theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập;

d) Chi phí điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường (nếu có) tại cơ sở cai nghiện ma túy không ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế: Mức đóng góp theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp;

đ) Chi phí sinh hoạt văn nghệ, thể thao, giải trí: 70.000 đồng/người/hợp đồng;

e) Chi phí điện, nước, vệ sinh môi trường: 80.000 đồng/người/tháng;

g) Chi phí sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ chỗ ở: 170.000 đồng/người/tháng;

h) Chi phí quản lý, chăm sóc, điều dưỡng: 990.000 đồng/người/tháng.

2. Chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập có thời gian cai nghiện liên tục từ đủ 06 tháng trở lên và hộ khẩu thường trú tại tỉnh Đắk Lắk được ngân sách tỉnh hỗ trợ:

a) Chi phí tiền ăn: Bằng 0,56 lần mức lương cơ sở/người/tháng;

b) Chi phí tiền quần áo, chăn, màn, chiếu, gối, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với nữ: Bằng 0,63 lần mức lương cơ sở/người/hợp đồng;

c) Chi phí khám sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS); Chi phí điều trị các bệnh nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập: Hỗ trợ 95% chi phí cho các đối tượng sau đây:

- Thương binh;
- Người bị nhiễm chất độc hoá học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;
- Người thuộc hộ nghèo;
- Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa;
- Trẻ em mồ côi;
- Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng;
- Người bị nhiễm HIV/AIDS.

d) Chỗ ở: Người cai nghiện ma túy tự nguyện được bố trí chỗ ở trong thời gian cai nghiện (không bao gồm chi phí quy định tại điểm g Khoản 1 Điều này).

3. Chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập được lựa chọn thực hiện thí điểm hỗ trợ đến năm 2020

Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập được lựa chọn thực hiện thí điểm có thời gian cai nghiện liên tục từ đủ 06 tháng trở lên và hộ khẩu thường trú tại tỉnh Đắk Lắk được ngân sách tỉnh hỗ trợ bằng mức hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Các khoản đóng góp, chế độ hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng

1. Các khoản đóng góp

Người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng (hoặc gia đình của người cai nghiện ma túy) có trách nhiệm đóng góp các khoản chi phí trong thời gian điều trị cắt cơn, giải độc (trừ trường hợp được hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều này), gồm:

a) Chi phí khám sức khỏe, xét nghiệm phát hiện chất ma túy và các xét nghiệm khác để chuẩn bị điều trị cắt cơn: Mức đóng góp theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám, chữa bệnh công lập;

b) Tiền thuốc cắt cơn nghiện ma túy: Mức đóng góp theo chi phí thực tế và hóa đơn chứng từ hợp pháp;

c) Tiền ăn trong thời gian cai nghiện ma túy tập trung tại các cơ sở được phép điều trị, cắt cơn: 40.000 đồng/người/ngày.

2. Chế độ hỗ trợ

Ngân sách xã, phường, thị trấn hỗ trợ một lần chấp hành quyết định cai nghiện bằng 100% chi phí tiền thuốc cắt cơn nghiện ma túy đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình và cộng đồng thuộc các đối tượng sau đây:

a) Thuộc hộ nghèo;

b) Gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

c) Người chưa thành niên;

d) Người thuộc diện bảo trợ xã hội;

đ) Người khuyết tật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Cơ sở cai nghiện ma túy công lập, cơ sở cai nghiện ma túy ngoài công lập được lựa chọn thí điểm đến năm 2020, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thực hiện cơ chế quản lý, sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện chế độ hỗ trợ và nguồn đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện theo các quy định pháp luật hiện hành.

2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Khoá IX, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: LĐTBXH, Tài chính, Nội vụ, Y tế, Công an;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, UB MTTQVN tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở: LĐTBXH, TC, Y tế, Nội vụ, Tư pháp, Công an tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- TT HĐND, UBND xã, phường, thị trấn; (UBND cấp huyện sao gửi)
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Lắk; Công báo tỉnh, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Y Biê Niê

